

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.11	-0.05	0.15	0.00	3Y	0.71	-0.029
1W	1.56	0.02	0.20	0.00	5Y	0.90	0.000
2W	1.89	0.04	0.24	0.01	7Y	1.30	0.005
1M	2.04	0.03	0.31	0.00	10Y	2.08	0.011
2M	2.17	-0.03	0.39	-0.01	15Y	2.38	0.004
3M	2.30	0.00	0.50	-0.03			
6M	2.57	0.11	0.76	-0.04			
9M	2.68	0.10	1.12	-0.04			
1Y	3.16	-0.02	1.18	-0.04			

Nguồn: Reuters

**Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)**

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
19-01-22	1	28	2.50	5,000	478.99	-	478.99	688.89
18-01-22	1	28	2.50	5,000	209.90	-	209.90	209.90
17-01-22	1	28	2.50	5,000	-	-	-	-

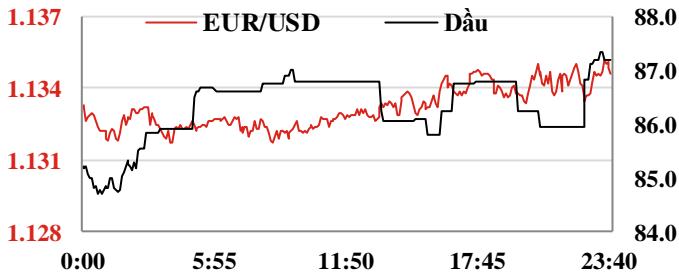
**Thị trường TPCP sơ cấp**

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	đơn vị: tỷ đồng			
			KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	19-Jan-22	10	3000	3000	2.08%	0.00%
MOF	19-Jan-22	15	2000	1000	2.36%	0.00%
MOF	19-Jan-22	20	1000	750	2.75%	0.00%
MOF	19-Jan-22	30	1500	1500	2.96%	0.00%
Tổng			7500	6250		

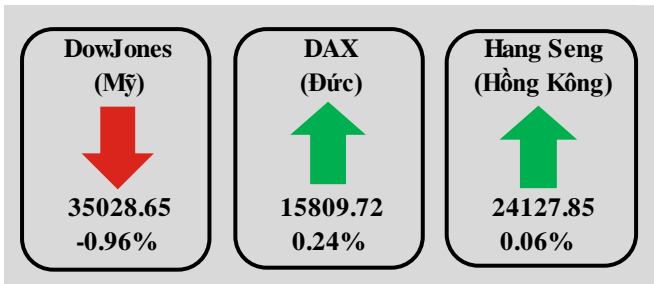
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1442.79	409.31	107.84
%/ngày	0.27%	-2.83%	0.34%
%/31/12/2021	-3.70%	-13.6%	-4.3%
KLGD (tr.đ.v)	637.63	98.81	54.8
GTGD (tỷ đ)	22985.95	1720.21	1014.11
NDINN mua (tỷ đ)	1646.50	18.35	0.69
NDINN bán (tỷ đ)	6615.95	13.83	0.11

**Tin trong nước ngày 19/01**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 19/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.119 VND/USD, tăng mạnh 22 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.650 VND/USD và 23.150 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.700 VND/USD, giảm mạnh 30 đồng so với phiên 18/01. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở chiều mua vào và 10 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.550 VND/USD và 23.600 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 19/01, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,05 đpt ở kỳ hạn ON trong khi tăng 0,02 – 0,04 đpt ở các kỳ hạn dài hơn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,11; 1W 1,56%; 2W 1,89 và 1M 2,04%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên hầu hết các ở kỳ hạn ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 2W, giao dịch tại: ON 0,15; 1W 0,20%; 2W 0,24%, 1M 0,31%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở kỳ hạn 3Y trong khi không thay đổi ở kỳ hạn 5Y và tăng ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,71%; 5Y 0,90%; 7Y 1,30%; 10Y 2,08%; 15Y 2,38%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 28 ngày, lãi suất 2,50%. Khối lượng trúng thầu là 478,99 tỷ VND. Như vậy, NHNN bơm ròng 478,99 tỷ VND ra thị trường qua kênh cầm cố, đưa khối lượng lưu hành trên kênh này lên mức 688,89 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 19/01, KBNN huy động thành công 6.250/7.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 83%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm huy động được toàn bộ 3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 1.000/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 20 năm huy động 750/1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 30 năm huy động toàn bộ 1.500 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn giữ nguyên, lần lượt tại 2,08%/năm, 2,36%/năm, 2,75%/năm và 2,96%/năm.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường ghi nhận những nỗ lực hồi phục khi cổ phiếu chứng khoán, ngân hàng, dầu khí tăng điểm tích cực. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 3,85 điểm lên 1.442,79 điểm (+0,27%); HNX-Index giảm 11,90 điểm (-2,83%) về 409,31 điểm; UPCoM-Index tăng 0,37 điểm (+0,34%) lên 107,84 điểm. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ với tổng giá trị giao dịch đạt trên 25.700 tỷ VND. Giao dịch khối ngoại đột biến khi khối này bất ngờ bán ròng gần 4.949 tỷ đồng toàn thị trường, chủ yếu do giao dịch bán ròng thỏa thuận cổ phiếu MSN.
- Theo số liệu Tổng cục Hải quan vừa công bố, kỳ 1 tháng 1/2022 cán cân thương mại cả nước thâm hụt 1,64 tỷ USD.** Trong đó, kim ngạch xuất khẩu từ 01-15/01/2022 đạt 12,96 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 14,60 tỷ. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của kỳ báo cáo đạt 27,56 tỷ USD. Có 4 mặt hàng đạt kim ngạch XK trên 1 tỷ USD trong 15 ngày đầu năm 2022, cụ thể: Điện thoại các loại và linh kiện đạt 1,85 tỷ; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 1,58 tỷ; Hàng dệt, may đạt 1,44 tỷ; và Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 1,39 tỷ.



	19 Jan 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	95.51	-0.23%	0.63%	-0.48%
USD/CNY	6.34	-0.12%	-0.21%	-0.12%
USD/EUR	0.88	-0.14%	0.89%	0.24%
USD/JPY	114.32	-0.25%	-0.27%	-0.66%
USD/KRW	1188.13	-0.38%	0.19%	0.01%
USD/SGD	1.35	-0.23%	0.14%	-0.11%
USD/TWD	27.62	0.30%	-0.09%	-0.32%
USD/THB	32.90	-0.54%	-1.20%	-0.99%
USD/VND Trung tâm	23119	0.10%	0.04%	-0.11%
USD/VND LNH	22700	-0.13%	0.01%	-0.40%
USD/VND tự do	23550	0.13%	0.04%	0.43%
Vàng	1839.96	1.46%	0.80%	0.63%
Dầu	86.96	1.79%	5.23%	15.62%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	TĐ	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0781	0.0079				
SW	0.0000	0.0000				
1M	0.1091	0.0054	0.3000	0.0000	0.0497	0.0000
2M	0.0000	0.0000				
3M	0.2551	0.0011	0.4350	-0.0008	0.0496	0.0002
6M	0.4471	0.0173	0.5924	-0.0008	0.0496	0.0000
1Y	0.8036	0.0166	0.0000	0.0000		

Số liệu SIBOR ngày 18/01/2022

### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	25/01/2022
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/02/2016	03/02/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	03/02/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/03/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/02/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Thị trường xây dựng tại Mỹ đón một số thông tin tích cực.** Cơ quan Thống kê của Mỹ cho biết số cấp phép xây nhà tại nước này trong tháng 12 đạt 1,87 triệu đơn, cao hơn nhiều so với dự báo ở mức 1,71 triệu đơn bằng với kết quả của tháng 11. Số nhà khởi công tại Mỹ trong tháng vừa qua cũng đạt 1,70 triệu căn, cao hơn mức 1,68 triệu căn của tháng 11 và đồng thời cao hơn mức 1,65 triệu căn theo dự báo. Theo nhận định của Bloomberg, thị trường xây dựng nhà ở tại nước Mỹ sẽ trở lên nhộn nhịp hơn trong những tháng đầu năm 2022, nhằm phục vụ nhu cầu đang rất lớn của người tiêu dùng. Mặc dù vậy, vẫn có một số lực cản đối với các doanh nghiệp xây dựng nhà ở, điển hình là giá nguyên vật liệu leo thang do chuỗi cung ứng chưa phục hồi hoàn toàn.
- Áp lực lạm phát tại Anh tiếp tục dâng cao trong tháng cuối năm 2021.** Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh ONS cho biết CPI toàn phần và CPI lõi tại nước này lần lượt tăng 5,4% và 4,2% y/y trong tháng 12/2021, cùng cao hơn mức tăng 5,1% và 4,0% của tháng 11, đồng thời cao hơn mức tăng 5,2% và 3,9% theo dự báo của các chuyên gia. Đây là mức tăng CPI toàn phần lớn nhất của Anh trong 11 năm. Cũng trong tháng 12, NHTW Anh BOE đã thực hiện tăng LSCS từ mức 0,1% lên 0,25% nhằm kiểm soát áp lực lạm phát đang ở mức cao. Có thể các con số trên sẽ tiếp tục tác động tới CSTT của NHTW này vào ngày 03/02 sắp tới, nhất là trong bối cảnh kinh tế nước Anh đang cho thấy sự phục hồi nhanh chóng.
- CPI tại Đức cũng cho thấy mức cao kỷ lục.** Văn phòng Thống kê Liên bang Đức Destatis cho biết CPI của nước này chính thức tăng 0,5% m/m trong tháng 12, không điều chỉnh so với kết quả thống kê sơ bộ. Như vậy, CPI y/y bình quân của năm 2021 tại Đức ở mức 3,1%; là mức cao nhất trong vòng 30 năm trở lại đây. Nguyên nhân dẫn đến việc CPI ở mức cao trong năm 2021 chủ yếu do yếu tố nền thấp của năm 2020, cùng với đó là các loại giá cả cũng tăng nhanh do chuỗi nguồn cung đứt gãy. Các quan chức tại Đức đang bắt đầu lo ngại rằng CPI ở mức cao sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới triển vọng kinh tế của quốc gia này cũng như nhiều quốc gia khác trong khối Liên minh Châu Âu EU.

### Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
19-01	14:00	*	CPI chính thức Đức mm T12	0.5	0.5	0.5
19-01	14:00	***	CPI Anh yy T12	5.4	5.2	5.1
19-01	14:00	*	CPI lõi Anh yy T12	4.2	3.9	4.0
19-01	20:30	*	Số cấp phép xây dựng tại Mỹ T12	1.87M	1.71M	1.71M
19-01	20:30	*	Số nhà khởi công tại Mỹ T12	1.70M	1.65M	1.68M
20-01	7:30	***	Số việc làm thay đổi tại Úc T12		60.0K	366.1K
20-01	7:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp tại Úc T12		4.5	4.6
20-01	20:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we		227K	230K
20-01	20:30	**	Doanh số bán nhà cũ tại Mỹ T12		6.42M	4.46M

## VN-INDEX

Daily .VNI

9/8/2021 - 14/2/2022 (HAN)



VN-Index tăng nhẹ lên mức 1442,79 điểm. Xung lực phục hồi của chỉ số khá yếu khi biên độ tăng điểm thấp và thanh khoản sụt giảm, đang ở mức trung bình thấp.

Nguỡng hỗ trợ: 1.440 – 1.420

Nguỡng kháng cự: 1.480 – 1.500

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)